| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN HƯƠNG SƠN**<br>**TỈNH HÀ TĨNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 14/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 28/9/2023
*" V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯƠNG SƠN -TỈNH HÀ TĨNH**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Sỹ Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Nguyễn Ngọc Luân

Bà: Phạm Thị Oanh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Không.

Vào hồi 07 giờ 00 phút, ngày 28/9/2023 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 53/2023/TLST - HNGĐ ngày 16/8/2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐXX-ST ngày 06/9/2023 và căn cứ Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2023/QĐST - HNGĐ ngày 21/9/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1974. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Phan Văn H, sinh năm 1969. Có mặt.

Đều có địa chỉ: Thôn Đ, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

## NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 20/7/2023, bản tự khai ngày 24/8/2023 và tại phiên tòa nguyên đơn chị* Nguyễn Thị D *trình bày:*

*Về hôn nhân:* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị D và bị đơn anh Phan Văn H đăng ký kết hôn ngày 17/3/1997 tại UBND xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ai ép buộc, hôn lễ được tổ chức theo truyền thống địa phương và tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, chị D và anh H về sống với nhau hạnh phúc được một thời gian đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn, đến thời điểm chị D làm đơn ra Tòa xin ly hôn với anh H thì hai người đã sống ly thân với nhau. Theo chị D trong cuộc sống giữa chị và anh H có nhiều quan điểm sống không phù hợp, nhiều lần xảy ra cải vã, có lần anh H dùng vũ lực với chị D. Sự việc của anh chị đã được gia đình, anh em nội ngoại hòa giải nhưng không đi đến kết quả gì. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn chị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

*Về con chung:* Chị D trình bày chị và anh H có ba con chung: Cháu Phan Thị D1, sinh ngày 06/7/1999; cháu Phan Thị G, sinh ngày 20/7/2002 và cháu Phan Quốc H1, sinh ngày 25/5/2006. Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án chị D có ý kiến: Hai cháu đầu Phan Thị D1, sinh ngày 06/7/1999; cháu Phan Thị G, sinh ngày 20/7/2022 đã trên 18 tuổi, có cuộc sống tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng cháu Phan Quốc H1, sinh ngày 25/5/2006 chị D có nguyện vong là được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và yêu cầu anh H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu H1 số tiền 1.500.000 đồng/tháng.

*Về tài sản chung, nợ chung:* Chị D có ý kiến là hai vợ chồng thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa hôm này chị* D *trình bày:* Về tình cảm; tài sản chung, nợ chung không thay đổi ý kiến. Về con chung đồng ý để cho anh Phan Văn H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phan Quốc H1, sinh ngày 25/5/2006, chị D không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

*Ý kiến của anh* Phan Văn H. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh H, anh H đã nhận được nhưng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất, đến ngày 22/9/2023 anh H đến Tòa án, tiến hành viết bản tự khai với nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Anh H không đồng ý ly hôn với chị D.

Về con chung: vợ chồng có 03 con chung là Phan Thị D1, sinh ngày 06/7/1999; cháu Phan Thị G, sinh ngày 20/7/2022 và cháu Phan Quốc H1, sinh ngày 25/5/2006. Nếu vợ chồng ly hôn, hai cháu Phan Thị D1 và cháu Phan Thị G đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, đối với cháu Phan Quốc H1, sinh ngày 25/5/2006, anh H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H1 và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con cho anh H.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên Tòa hôm nay anh* H *trình bày:* Tôi vẫn giữ nguyên như ý kiến đã trình bày trong bản tự khai ngày 22/9/2023, không có gì bổ sung hay thay đổi.

Theo quy định của pháp luật, Tòa án đã Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo và ấn định thời gian mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về các nội dung của vụ án, nhưng tại tất cả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải chị D có mặt, anh H vắng mặt, vì vậy Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ với chị D, sau đó thông báo cho anh H và tiến hành lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được lưu vào hồ sơ để có căn cứ giải quyết vụ án.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của nguyên đơn, bị đơn Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Chị Nguyễn Thị D yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh giải quyết ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn, với anh Phan Văn H, có địa chỉ: Thôn Đ, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Trong tất cả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải anh H đều vắng mặt, mặc dù Tòa án đã tống đạt tất cả các thông báo hợp pháp cho anh H. Ngày 06/9/2023, Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 06/9/2023, ấn định thời gian mở phiên Tòa vào hồi 14 giờ 00 phút, ngày 21/9/2023 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử Tòa án đã tống đạt cho anh H và anh H cũng đã nhận được quyết định này. Đến ngày giờ, địa điểm như trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử đã nêu, phiên Tòa được diễn ra, tại phiên Tòa chị D có mặt, anh H vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

*2.1. Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị D và anh Phan Văn H đăng ký kết hôn vào ngày 17 tháng 3 năm 1997 tại UBND xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Hôn nhân giữa chị D và anh H được xác lập trên cơ sở tự nguyện. Do đó hôn nhân giữa chị D, anh H là hợp pháp.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo chị D nguyên nhân mẫu thuẫn là do hai vợ chồng có quan điểm sống khác nhau, không có sự bình đẳng trong cuộc sống, hai

người thường xuyên cãi vã, có lời nói xúc phạm nhau, đã có lần anh H đánh đập chị D. Mặc dù mâu thuẫn giữa chị và anh H đã được hai bên gia đình nội ngoại hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2023 đến nay. Từ khi sống ly thân vợ chồng không còn ai quan tâm, chăm sóc tới nhau nữa. Sau khi thụ lý vụ án Toà án đã triệu tập, thông báo hợp lệ cho anh H để giải quyết vụ án nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do. Điều đó chứng tỏ anh H không mong muốn tìm giải pháp để hàn gắn tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng. Xét mâu thuẫn giữa chị D, anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc hai vợ trở về đoàn tụ với nhau là không thể. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chị D được ly hôn với anh H là có căn cứ.

*2.2. Về con chung*: Tại phiên tòa hôm nay Chị D và anh H Thống nhất: Hai cháu Phan Thị D1, sinh ngày 06/7/1999; cháu Phan Thị G, sinh ngày 20/7/2002 đã trên 18 tuổi, có cuộc sống riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Phan Quốc H1, sinh ngày 25/5/2006, anh H sẽ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị D không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh H. Hội đồng xét xử thấy rằng thỏa thuận của chị D và anh H là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc, thỏa thuận đó không vi phạm điều cấm của luật và trái đạo đức xã hội nên chấp nhận.

*2.3. Về tài sản chung, nợ chung:* Chị D và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX miễn xét.

[3] *Về án phí:* Buộc chị D phải chịu án phí dân sự ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

*1. Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Phan Văn H.

*2. Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con:* Chấp nhận sự thỏa thuận giữa chị D và anh H. Anh Phan Văn H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Phan Quốc H1, sinh ngày 25/5/2006 cho đến tuổi trưởng thành (18 tuổi) hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị D không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Phan Văn H. Chị

Nguyễn Thị D có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

*3. Về chia tài sản chung và nợ chung*: Chị Nguyễn Thị D và anh Phan Văn H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. *Về án phí:* Buộc chị Nguyễn Thị D phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, chị D đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006474 ngày 16/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

5. *Về quyền kháng cáo*: Chị Nguyễn Thị D, anh Phan Văn H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Hương Sơn;
- UBND xã Sơn Lễ;
- CCTHADS huyện Hương Sơn;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Lưu Hs,VP

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lương Sỹ Nam**